

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI LĂNG  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ - ST  
Ngày: 14/5/2020  
Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hoan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Dư Chánh;

2. Bà Phan Thị Huệ.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Chấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương-Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng xét xử công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020, Thông báo hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Xuân L

Địa chỉ: Thôn H, xã HT, huyện HL, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ph

Địa chỉ: Thôn H, xã HT, huyện HL, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2020, biên bản hòa giải ngày 06/02/2020, ngày 10/02/2020, bản tự khai ngày 04/01/2020, bản trình bày ý kiến bổ sung ngày 08/5/2020, đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 08/5/2020, nguyên đơn anh Lê Xuân L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Ph đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện HL, tỉnh Quảng Trị vào năm 1989, hai bên tự nguyện tìm hiểu và không ai ép buộc, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà

chồng, đến tháng 10 năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không chăm lo cuộc sống của gia đình, anh đã nhiều lần thuyết phục nhưng không có kết quả; làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nên hai bên sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân anh chị cũng gặp gỡ, nhưng không có trách nhiệm gì đối với gia đình chồng, tình cảm vợ chồng nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị Nguyễn Thị Ph.

-Về con chung: Có 04 con chung gồm cháu Lê Xuân Nh, sinh ngày 15/4/1990; Lê Xuân H, sinh ngày 09/8/1993; Lê Xuân L, sinh ngày 19/10/1996 và cháu Lê Thị Hải N, sinh ngày 20/10/2000; Hiện các cháu đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/01/2020, biên bản hòa giải ngày 06/02/2020, ngày 10/02/2020, chị trình bày: Theo lời trình bày về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân, mâu thuẫn như anh L trình bày chị đều nhất trí; từ tháng 11/2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do chồng không tin tưởng vào quan hệ của chị trong thời gian làm ăn, chồng chị không quan tâm, đánh đập chị nên không đảm nhận công việc chăm sóc mẹ chồng và chị bỏ nhà đi, mâu thuẫn với chồng quá trầm trọng, không thể hàn gắn với nhau để chung sống, nhưng chị không đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Có 04 con chung gồm cháu Lê Xuân Nh, sinh ngày 15/4/1990, Lê Xuân H, sinh ngày 09/8/1993; Lê Xuân L, sinh ngày 19/10/1996 và cháu Lê Thị Hải N, sinh ngày 20/10/2000; Hiện các con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản tố tụng, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/02/2020, ngày 10/02/2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXX-HNGĐ, ngày 28/02/2020 và Thông báo hoãn phiên tòa, anh Lê Xuân L có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị Nguyễn Thị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ tại các Điều 28, 35, 97, 177, 195, 196, 203, 208, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng, thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên

nhân, mâu thuẫn giữa anh Lê Xuân L và chị Nguyễn Thị Ph, tham khảo ý kiến của Hội LHPN xã, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự đến phiên tòa, tuân thủ quy định của pháp luật về thời hạn thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và thực hiện việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trước khi tham gia phiên tòa, lý do và thời hạn hoãn, mở lại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn anh Lê Xuân L và bị đơn chị Nguyễn Thị Ph đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật TTDS và có đơn xin xét xử vắng mặt; Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật TTDS, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Lê Xuân L và bị đơn chị Nguyễn Thị Ph.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, anh Lê Xuân L được ly hôn chị Nguyễn Thị Ph; về con chung: Các con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về án phí: Anh Lê Xuân L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án xác định là vụ án “Ly hôn”; Căn cứ khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu giải quyết của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

[2]- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ, đúng trình tự thủ tục tố tụng cho nguyên đơn anh Lê Xuân L và bị đơn chị Nguyễn Thị Ph. Anh Lê Xuân L và chị Nguyễn Thị Ph đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn Lê Xuân L và bị đơn chị Nguyễn Thị Ph.

[3]- Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2020 của anh Lê Xuân L, bản tự khai của anh Lê Xuân L ngày 04/01/2020, bản tự khai của chị Nguyễn Thị Ph ngày 06/01/2020 biên bản hòa giải ngày 06/02/2020, ngày 10/02/2020, biên bản xác minh ngày 10/01/2020, bản trình bày ý kiến bổ sung của anh Lê Xuân L ngày 08/5/2020 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; HĐXX nhận thấy: Anh Lê Xuân L và chị Nguyễn Thị Ph kết hôn vào năm 1989 tại UBND xã HT, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 10/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, chị Ph bỏ nhà đi và sống ly thân từ đó cho đến nay và hai bên không có quan hệ gì với nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa anh Lê Xuân L và chị Nguyễn Thị Ph không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Xuân L là phù hợp quy định pháp luật.

[4]- Về con chung: Có 04 con chung gồm cháu Lê Xuân Nh, sinh ngày 15/4/1990, Lê Xuân H, sinh ngày 09/8/1993; Lê Xuân L, sinh ngày 19/10/1996 và cháu Lê Thị Hải N, sinh ngày 20/10/2000; Hiện các cháu đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

[5]- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]- Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng điều 147 của BLTTDS và Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án: Buộc anh Lê Xuân L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[8]- Anh Lê Xuân L và chị Nguyễn Thị Ph có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật, theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Xuân L được ly hôn chị Nguyễn Thị Ph.

- Về con chung: Có 04 con chung gồm cháu Lê Xuân Nh, sinh ngày 15/4/1990, Lê Xuân H, sinh ngày 09/8/1993; Lê Xuân L, sinh ngày 19/10/1996 và cháu Lê Thị Hải N, sinh ngày 20/10/2000; Hiện các cháu đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết .

- Về án phí: Anh Lê Xuân L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA2018/0002086 ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng, anh Lê Xuân L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn anh Lê Xuân L và bị đơn chị Nguyễn Thị Ph có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh QT;
- VKSND Hải Lăng;
- UBND xã Hải Trường;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục THA DS Hải Lăng;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đức Hoan**